

## HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG VIẾT TỰ DO ĐỐI VỚI KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

• ThS. Trần Thị Hiền<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Viết tự do là một hoạt động được áp dụng nhằm nâng cao tính lưu loát cho người học trong học kỹ năng viết tiếng Anh, giúp họ giải phóng suy nghĩ khỏi những nỗi lo về quy tắc bắt buộc trong kỹ năng viết học thuật để tập trung viết ra những ý tưởng của mình. Trong hoạt động này, người học viết liên tục về một chủ đề cho sẵn trong thời gian từ 10 - 15 phút hoặc có thể hơn mà không cần phải lo ngại về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng hay những quy định trong môn viết. Bài báo giới thiệu kết quả nghiên cứu thực nghiệm việc áp dụng hoạt động viết tự do trên sinh viên năm thứ hai tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động này giúp nâng cao tính lưu loát của người học trong kỹ năng viết và nhận được sự phản hồi tích cực từ người học.*

*Từ khóa: viết tự do, viết lưu loát, kỹ năng viết.*

### 1. Đặt vấn đề

Viết là một trong bốn kỹ năng giao tiếp qua ngôn ngữ và là kỹ năng cuối cùng được phát triển qua quá trình học tiếng tự nhiên từ nghe - nói - đọc - viết. Kỹ năng viết học thuật (academic writing) rất quan trọng đối với sinh viên (SV) chuyên ngữ ở trường đại học vì nó cần thiết trong học tập, nghiên cứu và cả nghề nghiệp sau này. Ở trường đại học, SV được học kỹ năng viết xuyên suốt trong bốn năm học và sản phẩm họ cần tạo ra thường là một đoạn văn (paragraph), một bài luận (essay) qua nhiều thể loại theo phong cách viết học thuật. Đa số các SV đều nhìn nhận rằng viết là một kỹ năng rất khó. Nguyên nhân không phải là do SV chưa học lý thuyết về viết một đoạn văn hay một bài luận mà chính là do họ gặp khó khăn trong việc tìm ý (generating ideas) và sắp xếp các ý vào đoạn văn, bài luận cho phù hợp với yêu cầu của chủ đề bài viết. Nói cách khác, SV không phát triển được tính lưu loát trong kỹ năng viết. Viết tự do (free writing) là một hoạt động trong cách dạy viết theo quá trình (process), trong đó người học được viết tự do về một chủ đề theo yêu cầu trong thời gian 10 - 15 phút. Trong viết tự do, SV chỉ tập trung vào ý tưởng và bỏ qua tất cả những lo lắng về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, các hình thức liên kết văn bản... Sản phẩm của quá trình này sẽ được sử dụng để tạo ra một bài viết hoàn chỉnh hơn theo yêu cầu của chương trình học. Mục tiêu chính của bài báo là giới thiệu những kết quả đạt được

từ việc áp dụng hoạt động viết tự do trong giờ học kỹ năng viết nhằm nâng cao khả năng viết lưu loát cho SV trong quá trình học viết tiếng Anh.

### 2. Kỹ năng viết và đặc điểm của kỹ năng viết

Theo Brown & Hood [7] (1989, trích dẫn bởi Nunan, 1998), viết là một quá trình luôn đòi hỏi phải đi theo các bước từ sự chuẩn bị, viết và chỉnh sửa. Elbow [5] cho rằng, viết thường được biết đến là một quá trình gồm hai bước: trước nhất chúng ta chuẩn bị những nội dung cần viết và sau đó viết ra những gì chúng ta đã chuẩn bị.

Brown [1] cho rằng có rất nhiều yêu cầu mà người viết cần thực hiện. Ông đã liệt kê đến 12 kỹ năng mà người viết cần phải thực hiện để cho ra sản phẩm cuối cùng. Davies [3] nêu lên hai mức độ kỹ năng liên quan đến viết: các kỹ năng cơ bản (viết hoặc đánh máy, xây dựng các câu theo đúng ngữ pháp và sử dụng các dấu câu), kỹ năng nhận thức cao hơn (liên quan đến tìm ý phù hợp cho chủ đề và loại bỏ những ý không cần thiết, sắp xếp các ý một cách hợp lý vào các phần và đoạn, diễn tả những ý tưởng qua bài viết thảo, chỉnh sửa bản thảo và cho ra sản phẩm cuối cùng).

Theo đó, viết là một kỹ năng rất khó đối với đa số người học, dù là trong các môn ngoại ngữ hay tiếng mẹ đẻ. Singer [9] đã giải thích cho điều này là do viết đòi hỏi sự phối hợp của các hệ thống nhận thức, trí nhớ, ngôn ngữ, tình cảm của con người. Người viết được ví như những người biểu diễn tung hứng khi họ phải nắm bắt tất cả những điều này cùng lúc; nếu họ chỉ tập trung vào một hay hai thứ thì họ phải đánh rơi những thứ còn lại.

<sup>(\*)</sup> Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp.

### 3. Hoạt động viết tự do

#### 3.1. Viết tự do và đặc điểm của quá trình viết tự do

Richard và các tác giả [8], Elbow [5], Winterrowd [10], Brown [1] đã đưa ra các định nghĩa, viết tự do là một hoạt động khởi động trước khi người học chính thức viết ra sản phẩm theo yêu cầu. Trong hoạt động này, người viết được viết tự do về chủ đề với bất kỳ những ý tưởng nào vừa tìm đến trong suy nghĩ mà không cần phải lo lắng đến những quy tắc ngữ pháp, sắp xếp ý tưởng... Viết tự do trong thời gian cho phép là viết không ngừng, không chỉnh sửa, không lo lắng về các quy tắc và không vội vã... Quy tắc duy nhất của hoạt động chỉ đơn giản là không ngừng lại. Mục tiêu của hoạt động này hướng đến quá trình chứ không hướng đến sản phẩm.

#### 3.2. Viết tự do với tính lưu loát trong kỹ năng viết

Các tác giả như Elbow [5], Doty [4], Cagil [2], Zajiček [6]... đều tường thuật lại những trải nghiệm thú vị và tích cực về hoạt động viết tự do. Hoạt động này làm cho người viết cảm thấy thoải mái trong khi viết, giải phóng sự căng thẳng hay lo sợ và giúp cho người viết khám phá những ý tưởng, và quan trọng hơn là nó có thể giúp cho kỹ năng viết của người học thật sự được cải thiện.

Với những nhận xét của các nhà nghiên cứu, các tác giả đề cập bên trên, có thể thấy viết tự do là một giải pháp khả thi giúp SV viết một cách lưu loát, nâng cao kỹ năng viết học thuật của họ.

#### 4. Nghiên cứu thực nghiệm áp dụng hoạt động viết tự do trong giờ học kỹ năng viết

Bài nghiên cứu được tiến hành vào năm 2012 trên các đối tượng nghiên cứu là SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh trong giờ học kỹ năng viết tiếng Anh tại Trường Đại học Đồng Tháp. Theo tiến độ chương trình, đến cuối năm nhất, SV phải hoàn thiện kỹ năng viết một đoạn văn, bắt đầu học và thực hành kỹ năng viết bài luận với một số thể loại như miêu tả, tường thuật, tranh luận...

Hoạt động viết tự do được áp dụng để giúp SV phát triển khả năng viết lưu loát nói riêng và kỹ năng viết nói chung. Sinh viên được chia thành hai nhóm: nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Trước khi hoạt động thực nghiệm được tiến hành,

tất cả SV của cả hai nhóm cùng được yêu cầu viết một bài luận ngắn để kiểm tra khả năng viết nói chung. Hoạt động viết tự do sau đó được áp dụng trên nhóm thực nghiệm trong suốt học kỳ (môn học gồm 30 tiết, được phân bố 2 tiết/tuần). Các SV trong nhóm thực nghiệm được giảng viên giải thích kỹ về hoạt động và được yêu cầu viết không ngừng trong thời gian 10 - 15 phút hoặc thậm chí có thể đến 20 phút nếu SV vẫn cảm thấy còn ý muốn viết tiếp. Điểm chính của hoạt động là SV không phải lo lắng về ngữ pháp, quy tắc viết hay liên kết văn bản... Nếu họ bị mắc lại một chỗ nào trong dòng suy nghĩ, họ có thể bỏ qua và viết tiếp ý khác, thậm chí có thể sử dụng một từ hay cụm từ nào đó bằng tiếng mẹ đẻ nếu không biết từ, cụm từ tương đương trong tiếng Anh. Sau khi hoạt động kết thúc, SV được yêu cầu giữ lại sản phẩm để phục vụ cho bài viết chính thức sau này.

Để kiểm chứng sự tiến bộ trong kỹ năng viết của SV qua hoạt động viết tự do, chúng tôi sử dụng kết quả thi học kỳ chính thức của SV cả hai nhóm. Kết quả thi này được so sánh với kết quả kiểm tra đầu khóa học và việc so sánh kết quả học tập của nhóm thực nghiệm với nhóm đối chứng cũng được thực hiện. Trước khi môn học kết thúc, một bảng câu hỏi được gửi cho các SV trong nhóm thực nghiệm để thu dữ liệu về nhận xét khách quan của người học về ảnh hưởng của hoạt động viết tự do trong giờ học kỹ năng viết lên khả năng viết của họ.

### 5. Kết quả nghiên cứu

#### 5.1. Kết quả kiểm tra đầu khóa học

Bảng 1. Kết quả kiểm tra của nhóm đối chứng

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
3.00	1	2.5
4.00	13	32.5
4.50	4	10.0
5.00	17	42.5
5.50	2	5.0
6.00	2	5.0
7.00	1	2.5
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>100</b>

Bảng 2. Kết quả kiểm tra của nhóm thực nghiệm

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
3.00	0	0
4.00	11	30.5
5.00	16	44.4
5.50	1	2.7
6.00	6	16.6
6.50	1	2.7
7.00	1	2.7
<b>Total</b>	<b>36</b>	<b>100</b>

**Bảng 3. Số liệu thống kê so sánh khả năng viết của 2 nhóm SV**

Nhóm	Tổng số SV	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhóm đối chứng	40	3.00	7.00	4.7000	.73205
Nhóm thực nghiệm	36	4.00	7.00	4.9722	.81892

Bảng 1, 2 và 3 cho thấy kết quả kiểm tra khả năng viết của tất cả các SV ở cả hai nhóm và số liệu so sánh khả năng viết giữa hai nhóm vào đầu khóa học. Qua kết quả ở bảng 1, có thể nhận thấy hơn một nửa số SV có khả năng viết trung bình với 55% đạt điểm từ 5 - 7. Tương tự, số liệu ở bảng 2 cũng cho thấy có hơn 60% SV đạt điểm số từ 5 - 7. Khi so sánh khả năng viết giữa hai nhóm SV, số liệu thống kê ở bảng 3 chỉ rõ mức điểm tối thiểu và tối đa của từng nhóm cũng như điểm trung bình chung cho cả nhóm và độ lệch chuẩn. Điểm tối thiểu giữa hai nhóm cách biệt nhau 1 điểm với 3 và 4 tương ứng cho nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm. Điểm tối đa của hai nhóm là như nhau và khi so sánh điểm trung bình của hai nhóm, sự khác biệt về điểm trung bình là 0.27 nghiêng về nhóm thực nghiệm. Sự khác biệt này không quá lớn và chứng tỏ khả năng viết của SV ở hai nhóm là khá tương đồng với nhau.

### 5.2. Quan sát lớp học trong quá trình dạy học ứng dụng

Đầu mỗi buổi học môn viết, SV trong nhóm thực nghiệm được yêu cầu viết tự do về chủ đề cho sẵn trong thời lượng từ 10 - 15 phút hoặc hơn nếu họ còn muốn viết tiếp. Ở hai buổi học đầu tiên SV còn chưa quen với “sự tự do” mà mình được có trong kỹ năng viết: dù đã được giải thích, họ vẫn luống cuống tra từ điển hoặc hỏi nhau về từ vựng hay cấu trúc câu và thì... Ngoài ra, do chưa quen với hoạt động này, đa số SV đều đã dùng bút trong khoảng thời gian 10 phút; chỉ có vài SV còn viết tiếp. Tuy nhiên, các tuần càng về sau SV càng viết “tự do” hơn: có thể nhìn thấy sự thoải mái qua tác phong qua sự im lặng trong lớp học trong suốt thời gian của hoạt động và thời gian viết của đa số SV dài hơn, có khi đến 20 phút. Nhiều SV viết từ 1 - 1,5 trang giấy tập trong thời gian diễn ra hoạt động.

### 5.3. Phiếu điều tra phát cho SV

Có 36 phiếu điều tra được phát ra và thu về khi kết thúc chương trình môn viết. Phiếu điều tra gồm 5 câu hỏi để thu thập thông tin đánh giá về độ khó của kỹ năng viết, đánh giá hiệu quả của hoạt động viết tự do mang lại cho họ và khả năng họ sẽ tiếp tục vận dụng hoạt động này sau khi môn học kết thúc. Kết quả được thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả phiếu điều tra phát cho SV**

Câu hỏi	Kết quả				
	A	B	C	D	E
<i>Đánh giá môn viết (N=36)</i>	Khó nhất 22 61.11%	Rất khó 10 27.77%	Không khó lắm 2 5.5%	Bình thường 0	Khác 2 5.5%
<i>Tại sao viết khó (N=32)</i>	Tim ý 15 44.11%	Sắp xếp ý 8 23.52%	Liên kết nội dung và hình thức 5 14.70%	Ngôn ngữ, ngữ pháp 6 17.64%	Khác 0
<i>Đánh giá hoạt động viết tự do (N=36)</i>	Rất có ích 18 50%	Có ích nhưng không nhiều 15 41.66%	Không có ích 3 8.33%	Khác 0	
<i>Tại sao viết tự do có ích (N=33)</i>	Bớt e sợ viết 30 90.90%	Giữ lại những ý tưởng 29 87.87%	Giúp thoải mái khi viết 17 51.51%	Khác 0	(SV chọn nhiều phương án trả lời)
<i>Khả năng áp dụng hoạt động sau khóa học (N=36)</i>	Thường xuyên 10 27.77%	Khi có thể 19 52.77%	Khi GV yêu cầu 5 13.88%	Không áp dụng 2 5.55%	

Bảng 4 biểu thị những đánh giá của SV về môn viết nói chung và hoạt động viết tự do nói riêng. Qua đó, có đến 88.88% SV cho môn viết là kỹ năng khó nhất hoặc rất khó. Chỉ có 11% cho kỹ năng này là không khó lắm hoặc có ý kiến khác. Giải thích cho lý do làm kỹ năng viết khó, có 23/32

SV (67.63%) cho rằng đó là quá trình tìm ý và sắp xếp các ý tưởng; 11 SV còn lại (32.34%) giải thích viết khó vì phải sử dụng các biện pháp liên kết hình thức và liên kết nội dung cũng như các quy tắc về ngữ pháp... Mục đích chính của phiếu điều tra này là để thu đánh giá của SV về tác dụng của hoạt động viết tự do trong học kỹ năng viết đối với họ. Có 36 SV trong nhóm thực nghiệm đánh giá và 50% cho rằng hoạt động này rất có ích đối với học kỹ năng viết; 41.66% khác cũng nhìn nhận hoạt động này có tác dụng tích cực tuy không nhiều như mong đợi. Chỉ có 3/36 SV (8.33%) không đánh giá cao hoạt động này. Đối với 33 SV đánh giá tích cực cho hoạt động viết tự do, 90.90% đều nhìn nhận hoạt động này giúp họ bớt ngại kỹ năng viết và 87.87% nhận xét hoạt động này giúp họ giữ lại những ý tưởng về chủ đề trước khi chúng bị mất đi. 51.51% cảm thấy rất thoải mái khi được viết mà không phải lo lắng về những quy tắc, quy định trong viết bài. Khi được hỏi về khả năng tự vận dụng hoạt động viết tự do sau khi môn học kết thúc, 80.54% SV trả lời sẽ áp dụng thường xuyên hoặc khi họ có thể. 19.43% còn lại trả lời chỉ áp dụng khi giáo viên dạy lớp yêu cầu hoặc không áp dụng.

#### 5.4. Kết quả thi chính thức cuối học phần

Bên cạnh đánh giá của SV qua phiếu điều tra, so sánh điểm thi chính thức môn viết của SV từ hai nhóm là căn cứ chính để đánh giá hiệu quả hoạt động tiến bộ của người học. Kết quả thi của hai nhóm được thể hiện ở bảng 5, 6 và 7.

**Bảng 5. Kết quả thi học phần của nhóm đối chứng**

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
4.00	0	0
5.00	9	22.50
5.50	4	10
6.00	15	37.50
6.50	5	12.50
7.00	5	12.50
7.50	0	0
8.00	2	5
8.50	0	0
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>100</b>

**Bảng 6. Kết quả thi học phần của nhóm thực nghiệm**

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
4.00	1	2.77
5.00	3	8.33
5.50	3	8.33
6.00	10	27.77
6.50	3	8.33
7.00	8	22.22
7.50	3	8.33
8.00	3	8.33
8.50	2	5.55
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>100</b>

**Bảng 7. Số liệu thống kê so sánh kết quả thi của 2 nhóm SV**

Nhóm	Tổng số SV	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhóm đối chứng	40	5.00	8.00	6.0125	.78844
Nhóm thực nghiệm	36	4.00	8.50	6.5139	1.04530

Bảng 5 và 6 biểu thị kết quả thi kết thúc môn học của hai nhóm SV riêng lẻ. Ở bảng 5, kết quả cho thấy 100% SV nhóm đối chứng đều đạt yêu cầu và vượt qua kỳ thi. Phổ điểm của họ từ 5.0 - 7.0 tuy nhiên có rất ít SV đạt 7.0 hay trên 7.0 (7/40 SV) và chỉ có 2/40 SV đạt điểm 8.0. Kết quả của nhóm thực nghiệm ở bảng 6 cho thấy sự tiến bộ vượt trội. Chỉ có 1/36 SV đạt 4 điểm; 35 SV còn lại có phổ điểm từ 5.0 - 8.50. Đặc biệt, có đến 16/36 SV (44.43%) đạt điểm khá giỏi từ 7.0 - 8.50.

Khi so sánh kết quả của hai nhóm ở bảng 7, điểm trung bình của nhóm thực nghiệm cao hơn điểm trung bình của nhóm đối chứng và số điểm khác biệt là 0.5 điểm.

#### 5.5. Sự tiến bộ của người học khi môn học kết thúc

Kết quả thi kết thúc môn học được sử dụng và so sánh với kết quả kiểm tra ở đầu môn học để tìm ra sự tiến bộ của người học cũng như để tìm ra sự khác biệt giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Kết quả thể hiện ở bảng 8.

**Bảng 8. So sánh kết quả đầu và cuối môn học của hai nhóm SV**

Nhóm đối chứng (nhóm 1)					
	Tổng số SV	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Kiểm tra đầu khóa	40	3.00	7.00	<b>4.7000</b>	.73205
Thi kết thúc môn	40	5.00	8.00	<b>6.0125</b>	.78844
Nhóm thực nghiệm (nhóm 2)					
Kiểm tra đầu khóa	36	4.00	7.00	<b>4.9722</b>	.81892
Thi kết thúc môn	36	4.00	8.50	<b>6.5139</b>	1.04530

Bảng 8 thể hiện số liệu so sánh điểm kiểm tra khi môn học bắt đầu và điểm thi kết thúc môn học của cả hai nhóm SV. Xu hướng chung của cả hai nhóm là sự tiến bộ qua quá trình rèn luyện kỹ năng viết. Ở nhóm 1, điểm tối thiểu tăng lên 2 đơn vị từ 3 - 5 điểm trong khi số điểm này của nhóm 2 là không thay đổi, 4 điểm. Tuy nhiên, điểm tối đa của nhóm 1 chỉ tăng 1 đơn vị từ 7 - 8 trong khi ở nhóm 2, con số này là 1.5. Ngoài ra, điểm trung bình chung của cả hai nhóm cũng tăng nhưng ở nhóm 2 cao hơn nhóm 1 tương ứng là 1.31 và 1.54

Để kiểm chứng sự khác biệt về kết quả học tập của hai nhóm, phép tính kiểm định t-test trung bình của hai mẫu độc lập được thực hiện và thu được kết quả ở bảng 9.

**Bảng 9. Sự khác biệt về kết quả học tập của hai nhóm SV**

t	df	P-value
-2.3405	64.777	0.02235

Bảng 9 cho thấy kết quả t-test kiểm định sự khác biệt giữa hai mẫu dữ liệu độc lập. Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê giữa hai nhóm SV. Chỉ có khoảng 2% trường hợp cho kết quả không khác nhau.

## 6. Bàn luận

Qua kết quả thu được từ nghiên cứu thực nghiệm, tổng hợp quan sát của giảng viên và phiếu điều tra cũng như kết quả kiểm tra và thi cho thấy một số vấn đề đáng chú ý.

*Thứ nhất*, hơn 50% SV khi bắt đầu năm học thứ hai có khả năng viết từ mức trung bình và số còn lại ở mức dưới trung bình. Điều này phù hợp với đánh giá của SV về môn học khi họ cho kỹ năng viết là môn học rất khó. Nguyên nhân lớn nhất cho độ khó của môn học này là quá trình tìm ý và bố cục thông tin vào đoạn văn, bài luận cho hợp lý chứ không phải là lý thuyết về viết học thuật ở bậc đại học. Do đó, trong giảng dạy và quá trình giúp SV rèn luyện kỹ năng viết, giáo viên cần chú ý nhiều, dành sự ưu tiên cho hoạt động tìm ý và chia sẻ ý tưởng. Một khi người học tìm được ý tưởng, kỹ năng viết sẽ trở nên dễ dàng hơn và sự tiến bộ trong kỹ năng này sẽ dễ dàng đạt được.

*Thứ hai*, hiệu quả tích cực của hoạt động viết tự do qua nghiên cứu đã được khẳng định. Điều này phù hợp với những nhận định, những trải nghiệm

của các tác giả đã đề cập ở phần đầu của bài viết. Kết quả này đáng để các giáo viên lưu tâm vận dụng vào giờ dạy phát triển kỹ năng viết cũng như khuyến khích và tìm cách cho SV tự rèn luyện thêm ở nhà qua hoạt động viết nhật ký hay viết về bất cứ chủ đề nào bản thân nghĩ ra một cách tự do để giải phóng ý tưởng khỏi những quy tắc ràng buộc của môn viết. Khi suy nghĩ được tự do, tính lưu loát trong viết sẽ được nâng lên. Ta biết rằng có nhiều người tiếp cận môn viết qua việc hướng đến sản phẩm và nhóm còn lại tiếp cận qua quá trình chia nhỏ, phối hợp các hoạt động để đi đến sản phẩm. Suy cho cùng, mục đích là tạo ra sản phẩm bài viết tốt từ người học nhưng nếu họ bị mắc lại trên đường đi đến đích cuối cùng thì có khi không có sản phẩm hoặc sản phẩm không toàn vẹn. Như vậy, điều quan trọng là giáo viên biết cân đối giữa cách tiếp cận hướng đến sản phẩm và cách tiếp cận hướng đến quá trình để giúp người học tiến bước đều đặn trên quá trình đi đến sự tiến bộ, thể hiện ở một sản phẩm viết tốt.

*Thứ ba*, khi áp dụng hoạt động viết tự do, giáo viên cần chú ý giải thích rõ để SV dần thoát ra khỏi thói quen vừa viết, vừa tìm ý và vừa hoàn thiện sản phẩm cùng lúc. Điều quan trọng là SV viết không ngừng nghỉ, không lo lắng về quy tắc trong viết học thuật. Hoạt động này cần được tính thời gian từ 10 - 15 phút nhưng cũng có thể được nâng lên nếu SV muốn viết tiếp, bởi vì khi còn viết nghĩa là còn ý tưởng và mạch văn đang chảy đều. Đó chính là khi sự lưu loát trong kỹ năng viết đang bắt đầu nên nó cần được nuôi dưỡng và quan tâm đặc biệt.

*Thứ tư*, liên quan đến ý tưởng viết, số liệu của phiếu điều tra cho thấy khâu tìm ý là nơi người học bị mắc lại, họ gặp khó khăn ở giai đoạn này. Cho nên, giáo viên cần khuyến khích và có biện pháp để giúp SV nâng cao kiến thức xã hội. Qua quá trình dạy và quan sát nhiều lớp học, giáo viên dễ dàng nhận thấy đây là thứ mà đa số SV đang thiếu, thậm chí là thiếu trầm trọng yếu tố này. Kiến thức xã hội và kinh nghiệm cá nhân sẽ là những tác nhân quan trọng giúp cho quá trình tìm ý, chọn lọc và sắp xếp ý tưởng trong kỹ năng viết diễn ra nhanh chóng và thuận lợi.

## 7. Kết luận

Tìm được ý tưởng để viết, có nhiều ý tưởng để chọn lựa là một phần cực kỳ quan trọng trong

phát triển kỹ năng viết nơi người học. Hoạt động viết tự do đã được nhiều tác giả khẳng định có hiệu quả trong việc giúp người viết giải phóng ý tưởng, hướng đến sự lưu loát trong kỹ năng viết. Nghiên cứu này đã thêm một lần chứng

minh tính hiệu quả của hoạt động này. Đây là một hoạt động rất đáng được giáo viên lưu tâm áp dụng trên lớp cũng như khuyến khích SV tự vận dụng trong quá trình tự học nhằm giúp nâng cao khả năng viết của người học./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. D. Brown (1994), *Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy*, Prentice Hall Regents.
- [2] . J. Cagil (2010), “Constructive Effects of Free-Flow Exercises”, <http://ezinearticles.com/?Writing--Constructive-Effects-of-Free-Flow-Exercises&id=1030278>.
- [3]. P. Davies (2000), *Success in English Teaching*, Oxford University Press.
- [4]. G. Doty (1995), “Free Writing”, <http://web.mst.edu/~gdoty/classes/concepts-practices/free-writing.html>.
- [5]. P. Elbow (1973), *Writing without Teachers*, Oxford University Press.
- [6]. N. Zajiček (2005), *Teaching philosophy portfolio*, (Unpublished paper), Vienna.
- [7]. D. Nunan (1998), *Language Teaching Methodology: A Textbook for Teachers*, Prentice Hall.
- [8]. C. Richard, J. Platt & H. Platt (1992), *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*, Longman Group UK Limited.
- [9]. D. Singer (2004), “Writing: Why Kids Struggle and What to Do about it”, Architects for Learning, the USA, <http://www.chinaelg.com/download/10.010%20PDF-3%20%20WhyWritingIsHard-EmPOWER.pdf>.
- [10]. S. Winterowd (1981), *The Contemporary Writer: A Practical Rhetoric*, 2nd edition, Harcourt Brace Jovanovich.

### THE EFFECTS OF FREE WRITING ON ENGLISH MAJORS' WRITING SKILL

#### Summary

Free writing is an activity to help learners of English improve their fluency in learning writing skill by freeing their thoughts and ideas from worrying about all rules in writing academic English. They can, therefore, concentrate on writing down their own thoughts freely. During this activity, learners write nonstop about a given topic within 10 - 15 minutes or more without worrying about errors in English grammar, vocabulary or writing conventions. This article aims to address the research findings via the activity on second-year English majors at Foreign Language Education Faculty in Dong Thap University. The results show that this activity helps enhance learners' writing fluency, and also gets their positive feedback.

Key words: free writing, writing fluency, writing skills.

Ngày nhận bài: 5/5/2015; Ngày nhận lại: 16/11/2015; Ngày duyệt đăng: 22/12/2015.